TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2023/DS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2023.
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thỏ.

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) B.**

Địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số 210 đường Trần Quang K, phường Tràng T, quận H, Thành phố Hà Nội.

***** Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Thanh T - chức vụ: Tổ trưởng tổ khách hàng phòng giao dịch N, trực thuộc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Sóc Trăng. (có mặt)

Địa chỉ: Số 03, Khóm F, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ P, xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Ngày 28/12/2020 ông Phạm Văn C có đề xuất vay vốn (hình thức thẻ) tại Ngân hàng TMCP B theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số HĐTD883202000995 với hạn mức 300.000.000 đồng, Thời hạn vay 36 tháng; Mục đích sử dụng vốn tiêu dùng cá nhân; Lãi suất cho vay: 28%/năm; Phí phạt chậm thanh toán: theo quy định Ngân hàng từng thời kỳ; Lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong thời hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trong quá trình sử dụng thì phía ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông C cũng cam kết nhưng không thực hiện. Tính đến ngày 08/9/2023 thì ông C còn nợ Ngân hàng TMCP B với tổng số tiền là 389.859.510 đồng, trong đó nợ gốc là 198.753.426 đồng, lãi 189.151.600 đồng, phí và thuế 1.954.484 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Phạm Văn C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền còn nợ tính đến ngày 08/9/2023 là 389.859.510 đồng, trong đó nợ gốc là 198.753.426 đồng, lãi 189.151.600 đồng, phí và thuế 1.954.484 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi kể từ ngày 09/9/2023 đến khi ông Phạm Văn C trả hết nợ theo mức lãi suất như thỏa thuận theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số HĐTD883202000995, ngày 28/12/2020.

- Bị đơn ông Phạm Văn C vắng mặt: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông C vẫn không có biên bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay tín dụng (hình thức thẻ) còn nợ. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ P, xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay tín dụng còn nợ tính đến ngày 08/9/2023 là 198.753.426 đồng. Xét thấy, nguyên đơn có cho bị đơn vay vốn với hình thức vay qua thẻ tín dụng, hạn mức thẻ: 300.000.000 đồng bị đơn đã rút sử dụng tổng số tiền là 198.753.426 đồng. Tuy nhiên, đã quá hạn nhưng bị đơn không hoàn lại số tiền vay cho nguyên đơn theo như thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số HĐTD883202000995 ngày 28/12/2020. Đồng thời, đến ngày 18/8/2021 nguyên đơn có thông báo nợ quá hạn cho bị đơn và phía bị đơn cũng có cam kết dự kiến trả nợ cho nguyên đơn vào ngày 05/9/2021. Đã quá hạn cam kết nhưng phía bị đơn vẫn không thực hiện. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay 198.753.426 đồng theo hình thức vay qua thẻ tín dụng là có cơ sở theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[4] Xét về việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi và phí sử dụng thẻ. Nhận thấy: giữa nguyên đơn với bị đơn có thỏa thuận lãi suất cho vay tại thời điểm đăng ký mở thẻ là 28%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và phí sử dụng thẻ. Xét thấy, các bên có thỏa thuận mức lãi trong hợp đồng là cao hơn so với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tính dụng "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*" và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, đối với việc nguyên đơn tính lãi và phí theo bản tính lãi ngày 08/9/2023 với tiền lãi được tính như sau: lãi 189.151.600 và phí + thuế là 1.954.484 đồng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc bị đơn Phạm Văn C có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B tính đến ngày 08/9/2023 với tổng số tiền là 389.859.510 đồng *(ba trăm tám mươi chín triệu tám trăm năm mươi chín ngàn năm trăm mười đồng*) trong đó nợ gốc là 198.753.426 đồng, lãi 189.151.600 đồng, phí và thuế 1.954.484 đồng.

Kể từ ngày 09/9//2023 cho đến khi ông Phạm Văn C thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP B, thì hàng tháng ông Phạm Văn C còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số HĐTD883202000995 ngày 28/12/2020.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Phạm Văn C chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 19.492.976 đồng (*mười chín triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.215.000 đồng (*chín triệu hai trăm mười lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009317 ngày 26/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm:
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn